

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 550/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 03/8/2020.

V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phù Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Xuân Mai.

2. Ông Nguyễn Kiên Hiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Gia Phước – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án, Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 307/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐ-XX ngày 01 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2020/QĐST-HPT ngày 17 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Công P. Sinh năm 1970.

Trú tại: 128/26A A, Phường B, Quận C, Thành phố D.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương H. Sinh năm 1970.

Trú tại: 114 E, Phường F, Quận G, Thành phố D.

(ông P có đơn xin vắng mặt; bà H vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Huỳnh Công P và bà Nguyễn Thị Phương H có tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số XXX do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố D cấp ngày XX/XX/XXXX. Quá trình chung sống, ông P và bà H không có con chung.

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 4 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Công P trình bày:

Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại 128/26A A, Phường B, Quận C, Thành phố D. Thời gian đầu thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ

chồng thường xuyên cãi vã và đã ly thân. Nay tình cảm không còn nên ông P có yêu cầu ly hôn:

- Về con chung: không có.
- Về tài sản chung: ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: ông P khai không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng không tiến hành hòa giải được vì bà H không tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.
- Bà H vắng mặt.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:
 - + Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; ông P đã chấp hành đúng quy định pháp luật; bà H không tham gia tố tụng trong vụ án.
 - + Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông P vì có cơ sở; bà H không có lời khai nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét ông P và bà H có tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 134 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố D cấp ngày XX/XX/XXXX. Nay ông P có yêu cầu ly hôn với bà H là thuộc trường hợp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét bà H cố tình vắng mặt và không tham gia tố tụng trong vụ án nên Tòa án đã thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà H và thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định pháp luật.

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với bà H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử theo quy định khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đối với bà H để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bà H vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của ông P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1. Về yêu cầu ly hôn:

Căn cứ vào lời khai của ông P và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: ông P và bà H có tự nguyện đăng ký kết hôn và có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Và hai bên đã ly thân từ đó đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng và không ai quan tâm ai.

Xét ông P và bà H đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành triệu tập bà H để tham gia phiên hòa giải mâu thuẫn gia đình nhưng bà H không tham gia phiên hòa giải thể hiện bà H không còn tha thiết với cuộc sống chung nữa. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xác định tình trạng mâu thuẫn giữa ông P và bà H đã trầm trọng, đời sống chung đã thực sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của ông P là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung: ông P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: ông P tự nguyện nộp toàn bộ.

Như đã phân tích, xét yêu cầu của ông P và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tại phiên tòa sơ thẩm có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận; xét bà H không có lời khai nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông P phải nộp toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số XXXXXXXX ngày XX/XX/XXXX của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3. Ông P đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 180, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Công P:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Huỳnh Công P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương H.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung: không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Huỳnh Công P phải nộp toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số XXXXXXXX ngày XX/XX/XXXX của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3. Ông Huỳnh Công P đã nộp đủ án phí.

5. Về chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: ông Huỳnh Công P tự nguyện nộp toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

- Ông Huỳnh Công P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bà Nguyễn Thị Phương H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THA dân sự Q.3;
- UBND P.Đa Kao Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phù Quốc Tuấn